TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GIỒNG TRÔM** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 72/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 15-6-2018

V/v: "Không công nhận quan hệ vợ chồng"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG TRÔM - TỈNH BẾN TRE

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngoan

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Văn Dệt

Bà Phạm Thị Thu Trang

Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Như Thắm – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm tham gia phiên tòa: Bà Ngô Thị Mỹ Trang – kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 6 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 180/2018/TLST-HNGĐ ngày 24/4/2018 về việc "Không công nhận quan hệ vợ chồng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 81/2018/QĐST-HNGĐ ngày 30 tháng 5 năm 2018 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn*: Bà **Hồ Thị H**, sinh năm: 1981; (có mặt)

Nơi cư trú: Ấp A, xã T, huyện G, tỉnh Bến Tre.

* *Bị đơn*: Ông **Phạm Văn B**, sinh năm: 1974; (có mặt)

Nơi cư trú: Ấp A, xã T, huyện G, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 18/4/2018, bản tự khai ngày 14/5/2018, biên bản hòa giải ngày 14/5/2018 cùng các văn bản, tài liệu chứng cứ cung cấp cho Tòa án cũng như tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn bà Hồ Thị H trình bày:

Bà H và ông B sống chung với nhau từ năm 2002 có tổ chức đám cưới nhưng từ đó đến nay không có đăng ký kết hôn. Thời gian đầu, cuộc sống gia đình hạnh phúc. Nhưng từ năm 2017 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn trầm trọng, nguyên nhân mâu thuẫn là do bà H nghi ngờ ông B có quen với người phụ nữ khác, không quan tâm đến bà và con, không có trách nhiệm với gia đình. Bà H và ông B

thường xuyên tranh cãi, tình cảm ngày càng rạn nứt. Hơn nữa, hiện nay ông B đã rước con riêng với vợ trước về nuôi nên giữa bà H và con riêng của ông B cũng có mâu thuẫn nên bà H không thể chung sống với ông B được nữa. Bà H đã dọn ra ở riêng hơn 02 tháng nay. Do đó, nay bà H khởi kiện yêu cầu:

- Về hôn nhân: Yêu cầu không công nhận bà H và ông B là vợ chồng.

- Về con chung: Bà H và ông B có hai con chung tên Phạm Ngọc M, sinh ngày 28/9/2003 và Phạm Ngọc T, sinh ngày 20/4/2010. Bà H yêu cầu được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục hai con chung. Bà H không yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo bản tự khai ngày 14/5/2018, biên bản hòa giải ngày 14/5/2018, bị đơn ông Phạm Văn B trình bày:

Ông và bà Hồ Thị H sống chung với nhau từ năm 2002 nhưng từ đó đến nay không có đăng ký kết hôn. Thời gian đầu, cuộc sống gia đình hạnh phúc. Nhưng từ năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bà H nhiều lần tự ý bỏ nhà đi để lại hai con cho ông B nuôi dưỡng. Ông B nhiều lần tìm và kêu bà H về nhà, bà H về rồi lại bỏ đi. Cách đây khoảng hai tháng bà H thuê nhà trọ ra ở riêng đến nay. Nay bà H có đơn yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng, ông đồng ý.

Về con chung: Ông và bà H có hai con chung tên Phạm Ngọc M, sinh ngày 28/9/2003 và Phạm Ngọc T, sinh ngày 20/4/2010. Ông B đồng ý giao hai con cho bà H được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Ông không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý cho đến khi xét xử là đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ do đương sự cung cấp và do Tòa án thu thập thì mâu thuẫn giữa bà H và ông B là có căn cứ, tuy nhiên bà H và ông B không có đăng ký kết hôn nên đề nghị Hội đồng xét xử không công nhận bà H và ông B là vợ chồng và giải quyết vần đề con chung, tài sản chung, nợ chung theo yêu cầu của bà H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời trình bày của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà Hồ Thị H khởi kiện yêu cầu Tòa án không công nhận bà và ông Phạm Văn B là vợ chồng, ông Phạm Văn B hiện đang cư trú tại ấp 3, xã

Thuận Điền, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre nên Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 28, 35 và 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Bà H và ông B đều xác định ông bà sống chung như vợ chồng từ năm 2002 nhưng đến nay vẫn chưa đăng ký kết hôn. Điều này phù hợp với xác nhận của Ủy ban nhân dân xã Thuận Điền, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre và Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Phong, huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang về việc bà H và ông B không có đăng ký kết hôn. Qua đó có cơ sở xác định việc kết hôn giữa bà H và ông B không được đăng ký theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân gia đình nên không có giá trị pháp lý và không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ vợ chồng giữa bà H và ông B. Nay bà H khởi kiện yêu cầu không công nhận vợ chồng với ông B, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân gia đình tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà H và ông B là phù hợp.

[3] Về con chung: Bà H và ông B đều xác định có hai con chung tên Phạm Ngọc M, sinh ngày 28/9/2003 và Phạm Ngọc T, sinh ngày 20/4/2010. Cháu My và cháu Thúy ý kiến khi cha mẹ không sống chung, hai cháu muốn sống với mẹ. Bà H yêu cầu được trực tiếp nuôi hai con và không yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi con. Ông B cũng thống nhất với yêu cầu của bà H nên ghi nhận.

[4] Về tài sản chung: Bà H và ông B thống nhật tự thỏa thuận nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[5] Về nợ chung: Bà H và ông B đều khai không có nợ chung nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Bà H là người khởi kiện nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn) đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 28, 35, 39, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 15, khoản 2 Điều 53, Điều 81, 82, 83 và Điều 84 Luật hôn nhân gia đình;

- Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Về hôn nhân: Không công nhận bà Hồ Thị H và ông Phạm Văn B là vợ chồng.

- Về con chung: Bà Hồ Thị H được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung tên Phạm Ngọc M, sinh ngày 28/9/2003 và

Phạm Ngọc T, sinh ngày 20/4/2010. Ghi nhận bà Hồ Thị H không yêu cầu ông Phạm Văn B cấp dưỡng nuôi con.

Ông Phạm Văn B được quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở ông thực hiện quyền này.

Vì lợi ích của con, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án quyết định thay đổi việc cấp dưỡng nuôi con.

Trong trường hợp có yêu cầu của một hoặc cả hai bên hoặc của cá nhân, cơ quan, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

- Về tài sản chung: Bà H và ông B thống nhật tự thỏa thuận nên Tòa án không xem xét giải quyết.

- Về nợ chung: Bà H và ông B đều khẳng định không có nợ chung nên Tòa án không xem xét giải quyết.

- Về án phí: Bà Hồ Thị H phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn) đồng nhưng được khấu trừ theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0016727 ngày 24 tháng 04 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre. Chi cục thi hành án huyện Giồng Trôm hoàn lại cho bà Hồ Thị H số tiền 475.000đ (Bốn trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) theo biên lai nêu trên.

Trong hạn 15 ngày tròn kể từ ngày tuyên án các đương sự được quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm.

" Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

Nơi nhận:
- VKSND huyện Giồng Trôm;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Chi cục THADS huyện Giồng Trôm;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(đã ký)

Nguyễn Thị Ngoan